

**UBND TỈNH NINH BÌNH**  
**SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024**

**Đơn vị: Sở Giao thông vận tải tỉnh Ninh Bình**

(Kèm Quyết định số : /SGTVT-KHTC ngày 30/12/2023 của Sở Giao thông vận tải Ninh Bình)

**CHƯƠNG 421**

*DVT: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Tổng số Dự toán 2024	Chi tiết theo từng đơn vị sử dụng			
			Văn phòng Sở GTVT	Thanh tra Giao thông Sở GTVT tỉnh Ninh Bình	Cảng vụ đường thủy nội địa tỉnh Ninh Bình	Trạm KTTT và ĐK thủy
<b>A</b>	<b>Dự toán thu, chi từ nguồn thu phí, lệ phí</b>	<b>12,510</b>	<b>11,000</b>	<b>-</b>	<b>1,500</b>	<b>10</b>
<b>1</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>12,510</b>	<b>11,000</b>	<b>-</b>	<b>1,500</b>	<b>10</b>
<b>1.1</b>	<b>Phí</b>	<b>8,123</b>	<b>6,753</b>	<b>-</b>	<b>1,370</b>	<b>-</b>
+	Phí thẩm định dự án	150	150			
+	Phí thẩm định thiết kế xe cơ giới, xe chuyên dùng, cải tạo...	23	23			
+	Phí sát hạch cấp văn bằng chứng chỉ	6,563	6,563			
+	Phí sát hạch cấp văn bằng chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng hạng 3	17	17			
+	Phí tải trọng	1,370			1,370	
+	Giá dịch vụ kiểm định an toàn và chất lượng phương tiện	-				
<b>1.2</b>	<b>Lệ phí</b>	<b>4,387</b>	<b>4,247</b>	<b>-</b>	<b>130</b>	<b>10</b>
+	Lệ phí quản lý phương tiện giao thông (Lệ phí cấp đăng ký, biển số, xe CD..)	32	32			
+	Lệ phí cấp văn bằng chứng chỉ	4,196	4,196			
+	Lệ phí đăng ký và cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa	18	18			
+	Lệ phí cấp đổi bằng thuyền trưởng, máy trưởng	1	1			

STT	Chỉ tiêu	Tổng số Dự toán 2024	Chi tiết theo từng đơn vị sử dụng			
			Văn phòng Sở GTVT	Thanh tra Giao thông Sở GTVT tỉnh Ninh Bình	Cảng vụ đường thủy nội địa tỉnh Ninh Bình	Trạm KTTT và ĐK thủy
+	Lệ phí ra vào bến	130			130	
+	Lệ phí cấp GCN ATKTK&BVMT cấp cho phương tiện thủy nội địa	10				10
<b>2</b>	<b>Số thu phí, lệ phí nộp NSNN</b>	<b>12,510</b>	<b>11,000</b>	<b>-</b>	<b>1,500</b>	<b>10</b>
<b>2.1</b>	<b>Phí</b>	<b>8,123</b>	<b>6,753</b>	<b>-</b>	<b>1,370</b>	<b>-</b>
+	Phí thẩm định dự án	150	150			
+	Phí thẩm định thiết kế xe cơ giới, xe chuyên dùng, cải tạo...	23	23			
+	Phí sát hạch cấp văn bằng chứng chỉ	6,563	6,563			
+	Phí sát hạch cấp văn bằng chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng hạng 3	17	17			
+	Phí tải trọng	1,370			1,370	
+	Giá dịch vụ kiểm định an toàn và chất lượng phương tiện	-				
<b>2.2</b>	<b>Lệ phí</b>	<b>4,387</b>	<b>4,247</b>	<b>-</b>	<b>130</b>	<b>10</b>
+	Lệ phí quản lý phương tiện giao thông (Lệ phí cấp đăng ký, biển số, xe CD..)	32	32			
+	Lệ phí cấp văn bằng chứng chỉ	4,196	4,196			
+	Lệ phí đăng ký và cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa	18	18			
+	Lệ phí cấp đổi bằng thuyền trưởng, máy trưởng	1	1			
+	Lệ phí ra vào bến	130			130	
+	Lệ phí cấp GCN ATKTK&BVMT cấp cho phương tiện thủy nội địa	10				10
<b>3</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>					
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>151,159</b>	<b>137,453</b>	<b>3,535</b>	<b>4,939</b>	<b>5,232</b>

STT	Chỉ tiêu	Tổng số Dự toán 2024	Chi tiết theo từng đơn vị sử dụng			
			Văn phòng Sở GTVT	Thanh tra Giao thông Sở GTVT tỉnh Ninh Bình	Cảng vụ đường thủy nội địa tỉnh Ninh Bình	Trạm KTTT và ĐK thủy
<b>1</b>	<b>Quản lý hành chính (340 - 341 )</b>	<b>27,463</b>	<b>18,989</b>	<b>3,535</b>	<b>4,939</b>	<b>-</b>
1.1	Chi thường xuyên giao tự chủ (340 - 341 )	14,045	6,690	3,394	3,961	
1.2	Chi thường xuyên không giao tự chủ (340 - 341)	13,418	12,299	141	978	-
<b>a</b>	<b>Mua sắm</b>	<b>118</b>	<b>118</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
+	Điều hoà	69	69			
+	Máy bơm nước 3 pha	49	49			
<b>b</b>	<b>Sửa chữa</b>	<b>990</b>	<b>990</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
+	Sửa chữa Sở Giao thông vận tải	990	990			
<b>c</b>	<b>Đặc thù</b>	<b>12,310</b>	<b>11,191</b>	<b>141</b>	<b>978</b>	<b>-</b>
+	Kinh phí phòng chống lụt bão	90	90			
+	Nâng cấp hệ thống mạng Lan	27	27			
+	Thực hiện công tác tuần tra, kiểm tra bảo vệ kết cấu giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh	225	225			
+	KP tiếp công dân, xử lý đơn thư	40	40			
+	KP cải cách hành chính	60	60			
+	KP duy trì hệ thống ISO 9001	12	12			
+	Duy trì phần mềm quản lý tài sản	6	2	2	2	
+	Duy trì phần mềm quyết toán	5	5			
+	Chi phục vụ công tác thu lệ phí	3,000	3,000			

STT	Chỉ tiêu	Tổng số Dự toán 2024	Chi tiết theo từng đơn vị sử dụng			
			Văn phòng Sở GTVT	Thanh tra Giao thông Sở GTVT tỉnh Ninh Bình	Cảng vụ đường thủy nội địa tỉnh Ninh Bình	Trạm KTTT và ĐK thủy
+	Chi phục vụ công tác thu phí	5,000	5,000			
+	Kinh phí nộp lại NSNN đảm bảo cho các hoạt động thu phí, lệ phí	2,730	2,730			
+	Trang phục	128		52	76	
+	Hiệu chỉnh đăng kiểm cân tải trọng	30		30		
+	Bồi dưỡng công chức thực hiện thanh tra chuyên ngành	57		57		
+	Chi phục vụ công tác thu phí, lệ phí	900			900	
<b>2</b>	<b>Sự nghiệp kinh tế (280-292)</b>	<b>123,316</b>	<b>118,084</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5,232</b>
1.1	Chi thường xuyên giao tự chủ (280-292)	4,000				4,000
1.2	Chi thường xuyên không giao tự chủ (280-292)	119,316	118,084	-	-	1,232
<b>a</b>	<b>Mua sắm</b>	<b>27</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>27</b>
+	Hệ thống biển báo hiệu	27				27
<b>b</b>	<b>Đặc thù</b>	<b>119,289</b>	<b>118,084</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1,205</b>
+	Nhiên liệu vận hành xe lưu động và máy phát điện	725				725
+	Thuê bãi đặt trạm, bãi hạ tải	200				200
+	Hiệu chỉnh, đăng kiểm bàn cân	150				150
+	Trang phục cán bộ trạm cân	128				128
+	Duy trì phần mềm quản lý tài sản	2				2
+	Chi hoạt động đảm bảo an toàn giao thông (đã bao gồm NSTW bổ sung có mục tiêu thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông là 490tr)	4,549	4,549			

STT	Chỉ tiêu	Tổng số Dự toán 2024	Chi tiết theo từng đơn vị sử dụng			
			Văn phòng Sở GTVT	Thanh tra Giao thông Sở GTVT tỉnh Ninh Bình	Cảng vụ đường thủy nội địa tỉnh Ninh Bình	Trạm KTTT và ĐK thủy
+	KP thực hiện quy định về hoạt động vận tải trong đô thị thành phố Ninh Bình theo QĐ số 29/2018/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 của UBND tỉnh	270	270			
+	KP ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu để thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo trì đường bộ	43,914	43,914			
	KP ngân sách địa phương đảm bảo để thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo trì đường bộ	58,500	58,500			
+	KP phục vụ công tác quản lý, bảo trì thường xuyên công trình đường thủy nội địa, sửa chữa định kỳ sạt lở công trình đường thủy	3,651	3,651			
+	Công tác quản lý, khai thác hạng mục hệ thống cây xanh cảnh quan đoạn Km0+00-Km12+128, đèn tín hiệu, điện chiếu sáng, dải phân cách giữa đoạn Km12+128-Km17+305 và 800m đoạn từ nút giao Tam Cốc đến Cầu Sông Hệ, tuyến đường QL1 đoạn tránh thành phố Ninh Bình năm 2024	7,200	7,200			
<b>3</b>	<b>Chi thực hiện nhiệm vụ tỉnh giao</b>	<b>380</b>	<b>380</b>	-	-	-
+	KP phổ biến giao dục pháp luật ( 070 - 098)	20	20			
+	KP thực hiện Chương trình MTQG XD nông thôn mới (280 - 281) (CTMT 0502)	50	50			
+	KP thực hiện nhiệm vụ về phát triển du lịch (280 - 281)	300	300			
+	KP tổ chức Lễ Hội Hoa Lư năm 2023 (160 - 161)	10	10			











